

**TCVN**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**TCVN ISO 14025 : 2009  
ISO 14025 : 2006**

Xuất bản lần 2

**NHÃN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG BỐ MÔI TRƯỜNG –  
CÔNG BỐ MÔI TRƯỜNG KIỂU III –  
NGUYÊN LÝ VÀ THỦ TỤC**

*Environmental labels and declarations –  
Type III environmental declarations – Principles and procedures*

**HÀ NỘI – 2009**

**Lời nói đầu**

**TCVN ISO 14025 : 2009** thay thế TCVN ISO 14025 : 2003

**TCVN ISO 14025 : 2009** hoàn toàn tương đương với ISO 14025 : 2006.

**TCVN ISO 14025 : 2009** do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/ TC 207 *Hệ thống quản lý môi trường* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

## Lời giới thiệu

Công bố môi trường kiểu III thể hiện thông tin môi trường đã định lượng về chu trình sống của sản phẩm nhằm tạo thuận lợi cho việc so sánh giữa những sản phẩm thực hiện cùng chức năng. Những công bố như vậy là:

- do một hoặc vài tổ chức đưa ra;
- dựa trên dữ liệu đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA), phân tích kiểm kê vòng đời của sản phẩm (LCI) đã được kiểm tra xác nhận một cách độc lập hoặc dựa trên các môđul thông tin phù hợp với bộ tiêu chuẩn TCVN ISO 14040 và khi thích hợp, là dựa trên thông tin môi trường bổ sung;
- được triển khai bằng sử dụng các thông số đã xác định trước;
- đối tượng quản lý của một nhà điều hành chương trình, ví dụ như một công ty hoặc nhóm các công ty, ngành công nghiệp hoặc hiệp hội thương mại, cơ quan hành chính công, hoặc một cơ quan khoa học độc lập và các tổ chức khác.

Công bố môi trường kiểu III như được mô tả trong tiêu chuẩn này trước hết là nhằm sử dụng cho mối quan hệ giao tiếp "doanh nghiệp - doanh nghiệp", nhưng cũng không ngoại trừ sử dụng chúng cho mối quan hệ giao tiếp "doanh nghiệp - người tiêu dùng". Thừa nhận rằng một chủ thể triển khai một Công bố môi trường kiểu III không thể xác định một cách chính xác đối tác của công bố. Tuy nhiên, điều quan trọng là cần nhắc nhở cầu thông tin của người mua hoặc nhóm người sử dụng khác nhau, ví dụ: các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các cơ quan công thu mua hàng hóa hoặc người tiêu dùng. Những chủ thể nào chịu trách nhiệm về triển khai Công bố môi trường kiểu III và các chương trình Công bố môi trường kiểu III dựa theo tiêu chuẩn này sẽ cần lưu ý đến mức độ nhận thức của cử tọa mục tiêu.

Những chương trình Công bố môi trường kiểu III dựa theo tiêu chuẩn này, đòi hỏi tổ chức công bố phải đảm bảo rằng dữ liệu là được kiểm tra xác nhận độc lập hoặc do nội bộ hoặc do bên ngoài thực hiện. Điều này có nghĩa rằng, nhưng cũng không nhất thiết phải, do bên thứ ba kiểm tra xác nhận ngoại trừ trường hợp những công bố môi trường sử dụng cho mối quan hệ giao tiếp "doanh nghiệp - người tiêu dùng". Tổ chức tiêu chuẩn hóa đưa ra khái niệm "chứng nhận" (thủ tục mà qua đó một bên thứ ba cấp văn bản đảm bảo rằng một sản phẩm hoặc một quá trình phù hợp với những yêu cầu đã qui định). Thêm vào đó, khái niệm "chứng nhận" được hiểu và làm một cách khác nhau trong các vùng miền khác

## **TCVN ISO 14025 : 2009**

nhau. Để tránh nhầm lẫn, tiêu chuẩn này sử dụng khái niệm "kiểm tra xác nhận của bên thứ ba" thay cho khái niệm "chứng nhận".

Sự hài hòa trong hướng dẫn chung về chương trình và các quy tắc chủng loại sản phẩm (PCR) nói riêng là khuyến khích các chương trình khác nhau đáp ứng đúng nguyên lý so sánh. Điều này gồm cả nguyên tắc thừa nhận lẫn nhau về phương diện triển khai PCR, về xem xét PCR và qui trình kiểm định, về thủ tục điều hành và hình thức công bố. Để đảm bảo tính so sánh được, nhà điều hành chương trình được khuyến khích hợp tác trong công việc nhằm đạt được sự hài hòa của chương trình và để triển khai các Hiệp định thừa nhận lẫn nhau.

**CHÚ THÍCH** Trong thực tế triển khai Công bố môi trường kiểu III, chương trình hoặc các công bố của chương trình là nói đến các tên khác nhau như Eco-Leaf, Eco-profile, công bố môi trường của sản phẩm, công bố sản phẩm môi trường (EPD) và sơ yếu môi trường.



## **Nhãn môi trường và công bố môi trường – Công bố môi trường kiểu III – Nguyên lý và thủ tục**

*Environmental labels and declarations –  
Type III environmental declarations – Principles and procedures*

### **1 Phạm vi áp dụng**

Tiêu chuẩn này thiết lập các nguyên lý và qui định các thủ tục để xây dựng chương trình Công bố môi trường kiểu III. Tiêu chuẩn này cũng thiết lập cụ thể việc áp dụng bộ tiêu chuẩn TCVN ISO 14040 vào triển khai chương trình công bố môi trường kiểu III và Công bố môi trường kiểu III.

Tiêu chuẩn này thiết lập các nguyên lý để áp dụng thông tin môi trường, bổ sung cho cách sử dụng thông tin môi trường trong TCVN ISO 14020.

Công bố môi trường kiểu III như mô tả trong tiêu chuẩn này chủ yếu là nhằm trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp, nhưng cũng không ngoại trừ sử dụng tiêu chuẩn này để trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng với những điều kiện nhất định.

Tiêu chuẩn này không gạt ra hoặc không làm thay đổi các thông tin, công bố, ghi nhãn môi trường mang tính pháp lý được yêu cầu, hoặc các đòi hỏi pháp lý phải được áp dụng khác.

Tiêu chuẩn này không đề cập đến các điều khoản cho một ngành nghề cụ thể có thể liên đới trong các tài liệu khác. Các điều khoản qui định cụ thể cho ngành nghề trong các tài liệu khác liên quan đến Công bố môi trường kiểu III thì phải dựa và sử dụng theo nguyên lý và thủ tục của tiêu chuẩn này.

## **2 Tài liệu viện dẫn**

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN ISO 14020 : 2000 Nhãn môi trường và công bố — Nguyên lý chung

TCVN ISO 14021 : 1999 Nhãn môi trường và công bố môi trường — Tự công bố các công bố môi trường (Nhãn môi trường Kiểu II).

TCVN ISO 14024 : 1999 Nhãn môi trường và công bố môi trường — Nhãn môi trường kiểu I — Nguyên lý và thủ tục.

TCVN ISO 14040 : 2009<sup>1)</sup> Quản lý môi trường — Đánh giá vòng đời của sản phẩm — Nguyên lý và khuôn khổ.

TCVN ISO 14050 : 2009 Quản lý môi trường — Từ vựng.

ISO 14044 : 2006<sup>1)</sup> Quản lý môi trường — Đánh giá vòng đời của sản phẩm — Yêu cầu và hướng dẫn.

## **3 Thuật ngữ và định nghĩa**

Tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa trong TCVN ISO 14050 và các thuật ngữ định nghĩa sau đây.

**CHÚ THÍCH** Các thuật ngữ nào vẫn giữ lại nghĩa thông thường của nó thì không được định nghĩa lại trong tiêu chuẩn này. Trong một định nghĩa, phần được in đậm để chỉ rằng có tham khảo chéo đến thuật ngữ khác được định nghĩa trong mệnh đề đó, kèm theo số tham chiếu của thuật ngữ đặt trong ngoặc đơn.

### **3.1**

**Nhãn môi trường** (environmental label)

**Công bố môi trường** (environmental declaration)

Sự công bố chỉ ra các khía cạnh môi trường của một **sản phẩm** (3.11) hoặc dịch vụ

---

<sup>1)</sup> TCVN ISO 14040:2009 (ISO 14040:2006) và ISO 14044:2006 thay thế cho TCVN ISO 14040:2000 (ISO 14040:1997), TCVN ISO 14041:2000 (ISO 14041:1998), ISO 14042:2000 và ISO 14043:2000.

**CHÚ THÍCH** Một nhãn môi trường hoặc công bố môi trường có thể ở dạng một bản công bố, biểu tượng hoặc biểu đồ trên sản phẩm hoặc nhãn bao gói, trong tài liệu về sản phẩm, tạp chí kỹ thuật, quảng cáo hoặc dưới hình thức khác.

[TCVN ISO 14020]

### 3.2

**Công bố môi trường kiểu III** (type III environmental declaration)

**Công bố môi trường** (3.1) đưa ra dữ liệu môi trường đã được định lượng bằng việc sử dụng các thông số được xác định trước và thông tin môi trường bổ sung, khi thích hợp.

**CHÚ THÍCH 1** Các thông số được định trước là dựa trên cơ sở bộ tiêu chuẩn TCVN ISO 14040, gồm có tiêu chuẩn TCVN ISO 14040 và tiêu chuẩn ISO 14044

**CHÚ THÍCH 2** Thông tin môi trường bổ sung có thể là định lượng hoặc định tính

### 3.3

**Chương trình công bố môi trường kiểu III** (type III environmental declaration programme)

Chương trình tự nguyện, dùng để triển khai và áp dụng **công bố môi trường kiểu III** (3.2), dựa trên một bộ qui tắc điều hành.

### 3.4

**Nhà điều hành chương trình** (programme operator)

Cơ quan hoặc các cơ quan điều hành một **chương trình công bố môi trường kiểu III** (3.3)

**CHÚ THÍCH** Nhà điều hành chương trình có thể là một công ty hoặc một nhóm các công ty, thuộc ngành công nghiệp hoặc hiệp hội thương mại, cơ quan hành chính công hoặc cơ quan khoa học độc lập hoặc tổ chức khác.

### 3.5

**Quy tắc phân loại sản phẩm** (product category rules)

**PCR**

Bộ qui tắc, yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể để triển khai **Công bố môi trường kiểu III** (3.2) cho một hoặc nhiều hơn **chủng loại sản phẩm** (3.12).

### 3.6

**Xem xét PCR** (PCR review)

Quá trình mà bên thứ ba kiểm tra xác nhận **quy tắc phân loại sản phẩm** (3.5)

## **TCVN ISO 14025 : 2009**

### **3.7**

#### **Khả năng** (competence)

Những phẩm chất và năng lực cá nhân được thể hiện ra để áp dụng kiến thức và kỹ năng

[TCVN ISO 19011: 2003]

### **3.8**

#### **Kiểm định viên** (verifier)

Người hoặc cơ quan thực hiện sự **kiểm định** (3.9)

### **3.9**

#### **Kiểm định** (verification)

Thông qua việc cung cấp bằng chứng khách quan, khẳng định rằng các yêu cầu quy định đã được thỏa mãn/ đáp ứng

[TCVN ISO 9000 : 2007]

### **3.10**

#### **Bên thứ ba** (third party)

Cá nhân hoặc tổ chức được thừa nhận là độc lập với các bên liên đới khi hữu quan đến vấn đề đang được bàn đến.

CHÚ THÍCH "Các bên liên đới" thông thường là đại diện cho lợi ích của nhà cung ứng ("bên thứ nhất") và người tiêu thụ ("bên thứ hai").

[ISO 14024 : 1999]

### **3.11**

#### **Sản phẩm** (product)

Mọi hàng hóa hoặc dịch vụ

[ISO 14024 : 1999]

### **3.12**

#### **Chủng loại sản phẩm** (product category)

Nhóm **sản phẩm** (3.11) có thể thực hiện các chức năng tương đương.

**3.13**

**Môdul thông tin** (information module)

Sự biên soạn dữ liệu để sử dụng làm cơ sở cho **Công bố môi trường kiểu III** (3.2), gồm một đơn vị quá trình hoặc một tập hợp của các đơn vị quá trình mà là một phần của vòng đời (3.20) của một sản phẩm (3.11).

[TCVN 14040 : 2009 (ISO 14040 : 2006)]

**3.14**

**Đơn vị chức năng** (functional unit)

Tính năng đã được định lượng của một hệ thống sản phẩm để sử dụng như một đơn vị chuẩn

[TCVN 14040 : 2009 (ISO 14040 : 2006)]

**3.15**

**Bên hữu quan** (interested party)

Người hoặc cơ quan có sự hữu quan đến hoặc bị tác động do việc triển khai và sử dụng một **Công bố môi trường kiểu III** (3.2)

**3.16**

**Người tiêu dùng** (consumer)

Thành viên riêng lẻ của cộng đồng người mua nói chung hoặc người sử dụng hàng hóa, tài sản hoặc dịch vụ cho mục đích cá nhân.

(Tài liệu tham khảo [5], điều 4.3)

**3.17**

**Khía cạnh môi trường** (environmental aspect)

Yếu tố của các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của một tổ chức mà có thể tương tác với môi trường

[TCVN 14040 : 2009 (ISO 14040 : 2006)]

**3.18**

**Tác động môi trường** (environmental impact)

Mọi thay đổi đối với môi trường, dù là bất lợi hoặc có lợi, toàn bộ hoặc từng phần do các **khía cạnh môi trường** (3.17) của một tổ chức gây ra.

## **TCVN ISO 14025 : 2009**

[TCVN 14001 : 2005 (ISO 14001 : 2004)]

### **3.19**

#### **Xác nhận so sánh** (comparative assertion)

Công bố về môi trường liên quan đến tính chất trội hơn hoặc tương đương của một sản phẩm so với sản phẩm cạnh tranh có cùng chức năng.

[TCVN 14040 : 2009 (ISO 14040 : 2006)]

### **3.20**

#### **Vòng đời của sản phẩm** (life cycle)

Các giai đoạn liên tiếp và gắn liền với nhau của một hệ thống sản phẩm, từ việc thu thập nguyên liệu thô hoặc tài nguyên thiên nhiên đến việc thải bỏ cuối cùng.

[TCVN 14040 : 2009 (ISO 14040 : 2006)]

## **4 Mục đích của Công bố môi trường kiểu III**

Mục tiêu tổng thể của nhãn môi trường và công bố môi trường là nhằm khuyến khích nhu cầu và cung ứng các sản phẩm hoặc dịch vụ ít gây ra sức ép đến môi trường, thông qua sự công bố thông tin đúng đắn và có thể kiểm chứng mà không gây hiểu nhầm, bằng cách đó kích thích tiềm năng để cải thiện môi trường liên tục theo động lực của thị trường

Các mục đích của công bố môi trường kiểu III là như sau:

- a) cung cấp thông tin dựa trên LCA và thông tin bổ sung về các khía cạnh môi trường của sản phẩm;
- b) trợ giúp người mua và người sử dụng thực hiện việc so sánh có hiểu biết giữa các sản phẩm; những công bố này không phải là xác nhận so sánh;
- c) khích lệ sự cải thiện tính hiệu quả hoạt động bảo vệ môi trường;
- d) cung cấp thông tin cho việc đánh giá tác động môi trường của sản phẩm qua suốt vòng đời của sản phẩm.

## 5 Nguyên lý

### 5.1 Mỗi quan hệ với TCVN ISO 14020

Để bổ sung cho các yêu cầu của tiêu chuẩn này, các nguyên lý đã đặt ra trong TCVN ISO 14020 cần phải được áp dụng. Những yêu cầu nào do tiêu chuẩn này đưa ra mà cụ thể hơn so với TCVN ISO 14020 thì cần phải áp dụng theo những yêu cầu đó.

### 5.2 Bản chất của sự tự nguyện

Triển khai và điều hành chương trình Công bố môi trường kiểu III, triển khai và áp dụng Công bố môi trường kiểu III là tự nguyện. Tiêu chuẩn này cung cấp những yêu cầu để cho các tổ chức lựa chọn trong việc phát triển và điều hành một chương trình, sử dụng một sự công bố như vậy.

### 5.3 Cơ sở vòng đời sản phẩm

Trong việc triển khai Công bố môi trường kiểu III, tất cả các khía cạnh môi trường có liên quan của sản phẩm xuyên suốt vòng đời của sản phẩm đều phải được xem xét đến và trở thành bộ phận của công bố đó. Nếu những khía cạnh được coi là liên quan nhưng không xuyên suốt tất cả các giai đoạn của vòng đời sản phẩm thì các khía cạnh đó cần phải được nêu ra và làm rõ. Các dữ liệu phải được lập ra bằng cách sử dụng các nguyên lý, khuôn khổ, phương pháp luận và thực hành do bộ tiêu chuẩn TCVN ISO 14040 thiết lập ra (nghĩa là TCVN ISO 14040 và ISO 14044).

Các khía cạnh môi trường liên quan nào mà không nằm trong LCA thì cần phải nêu rõ bằng việc sử dụng các phương pháp thích hợp khác.

### 5.4 Tính môđul

Cơ sở dữ liệu dựa theo LCA đối với vật liệu, thành phần và các đầu vào khác được dùng trong chế tạo hoặc lắp ráp các sản phẩm khác đều có thể được sử dụng cho công bố môi trường kiểu III của các sản phẩm đó. Trong hoàn cảnh như vậy, cơ sở dữ liệu dựa theo LCA đối với vật liệu, thành phần và các đầu vào khác cần phải được tham chiếu đến như là các môđul thông tin và có thể là tương ứng với toàn bộ hoặc một phần của vòng đời của các vật liệu hoặc thành phần đó. Môđul thông tin có thể được dùng để triển khai một Công bố môi trường kiểu III hoặc có thể kết hợp để triển khai một Công bố môi trường kiểu III cho sản phẩm, miễn rằng các môđul thông tin đó là được điều chỉnh phù hợp với PCR cho chủng loại sản phẩm này. Nếu môđul thông tin được kết hợp để triển khai một Công bố môi trường kiểu III cho sản phẩm lại không bao trùm tất cả các giai đoạn của vòng đời sản phẩm, thì lúc đó bất cứ sự lược bỏ nào của vòng đời sản phẩm cần phải được nêu ra và làm rõ trong tài liệu của PCR.

Một môđul thông tin có thể, nhưng không nhất thiết phải, là một Công bố môi trường kiểu III.

## **TCVN ISO 14025 : 2009**

### **5.5 Sự tham gia của các bên hữu quan**

Quá trình triển khai nhãn môi trường và công bố môi trường cần phải có sự tham vấn công khai với các bên hữu quan. Cần phải có các nỗ lực hợp lý để thu được sự đồng thuận trong suốt cả quá trình.

CHÚ THÍCH Theo TCVN ISO 14020: 2000, 4.9.1, Nguyên lý 8

Các bên hữu quan đến Chương trình công bố môi trường kiểu III có thể gồm các nhà cung cấp, nhà chế tạo, các hiệp hội thương mại, người mua, người sử dụng, người tiêu dùng, các tổ chức phi chính phủ (NGO), cơ quan công và khi cần, các bên độc lập và cơ quan chứng nhận, nhưng cũng không phải là hạn chế chỉ như vậy.

Nhất thiết phải tiến hành "tham vấn công khai", nhưng điều này không ngụ ý là một sự tham vấn rộng rãi. Nhà điều hành chương trình cần phải chịu trách nhiệm để đảm bảo rằng các tham vấn thích hợp được thực hiện để đảm bảo tính minh bạch và tính tin cậy trong hoạt động điều hành chương trình. Các tổ chức triển khai chương trình hoặc PCR có thể đưa các bên cạnh tranh tham gia vào quá trình tham vấn công khai.

### **5.6 Tính so sánh được**

Công bố môi trường kiểu III nhằm để người mua hoặc người sử dụng so sánh được tính năng môi trường của sản phẩm theo vòng đời của sản phẩm. Vì vậy tính so sánh được của Công bố môi trường kiểu III là rất quan trọng. Thông tin cung cấp cho việc so sánh này cần phải minh bạch để giúp cho người mua hoặc người sử dụng hiểu được những hạn chế của tính so sánh vốn có trong Công bố môi trường kiểu III (xem 6.7.2).

CHÚ THÍCH Công bố môi trường kiểu III không dựa trên LCA bao trùm suốt toàn bộ vòng đời của sản phẩm, hoặc dựa vào các PCR khác nhau là những ví dụ về công bố môi trường có tính so sánh bị hạn chế

### **5.7 Kiểm tra xác nhận/kiểm định**

Nhằm đảm bảo rằng Công bố môi trường kiểu III chứa đựng các thông tin LCA tương ứng và có thể kiểm chứng được dựa theo bộ tiêu chuẩn ISO 14040, nhà điều hành chương trình cần phải thiết lập các thủ tục minh bạch đối với:

- xem xét PCR, gồm cả xem xét LCA, LCI, các modul thông tin và thông tin môi trường bổ sung mà công bố môi trường dựa vào đó (xem 8.1.2);
- kiểm tra xác nhận độc lập LCA, LCI, modul thông tin và thông tin môi trường bổ sung mà công bố môi trường dựa vào đó (xem 8.1.3);



- kiểm tra xác nhận độc lập Công bố môi trường kiểu III (xem 8.1.4)

## 5.8 Tính linh hoạt

Để Công bố môi trường kiểu III thành công trong việc cải thiện sự hiểu biết về môi trường của sản phẩm, điều quan trọng là những công bố này giữ được tính tin cậy kỹ thuật trong khi đưa ra tính linh hoạt, tính thực tế và hiệu quả chi phí khi áp dụng.

Tiêu chuẩn này cho phép:

- nhiều loại cơ quan khác nhau điều hành một Chương trình công bố môi trường kiểu III (xem 3.4 và Điều 6);
- sử dụng các giai đoạn có liên quan trong vòng đời của sản phẩm, miễn là các thông tin cần thiết được cung cấp (xem 7.2.5), và;
- qui định về thông tin môi trường bổ sung (xem Hình 2 và 7.2. 3)

## 5.9 Tính minh bạch, rõ ràng

Để Công bố môi trường kiểu III có thể hiểu được đúng và diễn giải đúng bởi bất cứ ai hữu quan đến thông tin thì nhà điều hành chương trình cần phải đảm bảo sẵn có:

- hướng dẫn chương trình tổng quát (xem 6.4);
- danh mục tất cả các tài liệu PCR đã công bố thuộc khuôn khổ của chương trình;
- các phương tiện giải thích như qui định trong tiêu chuẩn này (xem 7.2.1 và 9.2.3).

## 6 Các yêu cầu của chương trình

### 6.1 Khái quát

Chương trình công bố môi trường kiểu III là tự nguyện áp dụng và có một bộ qui tắc hướng dẫn sự quản trị và điều hành tổng thể chương trình. Những qui tắc này do nhà điều hành chương trình quản lý và được nói đến như là hướng dẫn chung của chương trình.

Tổng quát về triển khai và điều hành chương trình công bố môi trường kiểu III với sự tham chiếu đến các điều mục tương ứng trong tiêu chuẩn này, có thể xem trong Phụ lục A.

## **TCVN ISO 14025 : 2009**

### **6.2 Phạm vi của chương trình**

Phạm vi của Chương trình phải rõ ràng và phải xác định là chương trình có bị giới hạn gì không, Ví DỤ: chỉ áp dụng cho một vùng địa lý nhất định hoặc ngành công nghiệp cụ thể, sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm cụ thể.

Một chương trình phải được tiếp cận dễ dàng cho tất cả các tổ chức có hữu quan vào việc triển khai PCR hoặc Công bố môi trường kiểu III với khuôn khổ phạm vi đã xác định rõ.

### **6.3 Trách nhiệm của nhà điều hành chương trình**

Nhà điều hành chương trình phải chịu trách nhiệm đối với hoạt động quản trị Chương trình công bố môi trường kiểu III.

Hoạt động quản trị này gồm các nhiệm vụ sau, nhưng cũng không chỉ giới hạn có vậy:

- a) chuẩn bị, duy trì và truyền đạt những hướng dẫn chung của chương trình;
- b) công bố danh tính của tổ chức thực sự có liên quan là bên hữu quan trong việc triển khai chương trình (không phải là các tên cá nhân);
- c) đảm bảo rằng các yêu cầu của Công bố môi trường kiểu III là được tuân theo (xem Điều 7).
- d) thiết lập thủ tục để bảo vệ tính nhất quán của dữ liệu trong một chương trình
- e) duy trì danh mục và hồ sơ có sẵn về tài liệu PCR và về Công bố môi trường kiểu III trong khuôn khổ chương trình.
- f) xuất bản tài liệu PCR và tài liệu Công bố môi trường kiểu III trong khuôn khổ chương trình.
- g) giám sát các thay đổi trong thủ tục và tài liệu của các Chương trình công bố môi trường kiểu III có liên quan, xem xét lại các thủ tục và tài liệu này khi cần thiết;
- h) đảm bảo sự lựa chọn các kiểm định viên và thành viên nhóm xem xét PCR có năng lực và độc lập (xem 8. 2. 3).
- i) thiết lập một thủ tục minh bạch để xem xét PCR (xem 8.1. 2) kể cả phạm vi, chi tiết của việc xem xét này và nhóm xem xét PCR được cấu thành như thế nào.
- j) thiết lập các thủ tục để tránh sử dụng nhầm lẫn tham chiếu theo tiêu chuẩn này, Công bố môi trường kiểu III, Công bố môi trường kiểu III của chương trình này và cả logo của nó, khi thích hợp.

#### 6.4 Các hướng dẫn chung của chương trình

Nhà điều hành chương trình cần phải soạn thảo những chỉ dẫn chung của chương trình để mô tả sự vận hành của chương trình bao gồm các thông tin sau đây, nhưng cũng không phải chỉ hạn chế là các thông tin này:

- a) phạm vi của chương trình;
- b) mục tiêu của chương trình;
- c) danh tính nhà điều hành chương trình;
- d) đối tác được dự định của chương trình, là doanh nghiệp với doanh nghiệp (B-với-B) hoặc doanh nghiệp với người tiêu dùng (B-với-C), hoặc cả hai;
- e) sự liên đới của các bên hữu quan;
- f) thủ tục để xác định chủng loại sản phẩm;
- g) thủ tục để quản lý dữ liệu và lập hồ sơ được sử dụng; những thủ tục như vậy có thể dựa theo TCVN ISO 14001: 2005 (ISO 14001: 2004) hoặc ISO 14044 : 2006, Điều 5;
- h) quản lý tính bảo mật của dữ liệu;
- i) thủ tục để triển khai và duy trì PCR, bao gồm
  - nội dung của PCR;
  - quy tắc xác định quãng thời gian hiệu lực, phải bao gồm việc xem xét những thay đổi trong các thông tin liên quan làm ảnh hưởng đến PCR;
  - thủ tục để lựa chọn ra các thông số xác định trước.
- j) thủ tục đối với kiểm tra xác nhận độc lập, bao gồm:
  - năng lực kiểm định viên;
  - năng lực của nhóm xem xét PCR
- k) nguồn tài chính và các nguồn khác cung cấp cho triển khai và điều hành chương trình;
- l) xem xét định kỳ các nội dung hướng dẫn của chương trình;
- m) phí hiệu cô liên quan

## **TCVN ISO 14025 : 2009**

Hướng dẫn chung của chương trình phải có sẵn cho mọi người khi được yêu cầu.

### **6.5 Sự liên đới của các bên hữu quan**

Nhà điều hành chương trình cần phải xác định ra và mời các bên hữu quan tham gia vào việc triển khai chương trình bằng một quá trình tham vấn công khai (xem 5.5) và cần phải đảm bảo rằng vai trò của các bên hữu quan trong quá trình là được thực hiện rõ ràng và công khai để tạo thuận lợi cho sự tham gia của họ.

Quá trình tham vấn này cần phải cụ thể là

- triển khai PCR;
- bộ qui tắc mô tả phương pháp luận tổng quát và các khía cạnh mang tính thủ tục về cách thức nào để tạo ra một công bố môi trường kiểu III và kiểm định (kiểm tra xác nhận) nó.

Phải có những nỗ lực hợp lý, và phải có sẵn các nguồn lực, thời gian để thực hiện có kết quả các công việc này.

Phải dành cho các bên hữu quan đủ thời gian để xem xét và tiếp cận với các chi tiết và nguồn thông tin được sử dụng. Quá trình tham khảo ý kiến cũng cần đảm bảo rằng các bên hữu quan nào tham gia góp ý kiến cho hướng dẫn chung của chương trình hoặc cho PCR thì họ phải nhận được các xem xét và trả lời ý kiến của mình trong thời gian hợp lý.

Quá trình tham vấn của các bên hữu quan có thể là sử dụng các nhóm đã được lựa chọn từ những đại diện của các bên hữu quan, ví dụ thông qua ban tham vấn, ủy ban cố vấn hoặc là lấy ý kiến công chúng.

### **6.6 Thủ tục để xác định chủng loại sản phẩm**

Trong phạm vi quá trình tham vấn đã được xác lập, nhà điều hành chương trình cần đảm bảo rằng chủng loại sản phẩm đã được định ra bằng việc sử dụng một thủ tục minh bạch. Khi các sản phẩm có chức năng và ứng dụng tương tự thì cơ sở để ấn định một nhóm sản phẩm theo một chủng loại sản phẩm là phải áp dụng cùng một đơn vị chức năng.

### **6.7 Thủ tục để triển khai PCR**

#### **6.7.1 Triển khai nội dung của một tài liệu PCR**

Nhà điều hành chương trình phải tạo ra sự hài hòa khi triển khai PCR cho một chủng loại sản phẩm bằng cách xem xét và chấp nhận các tài liệu PCR đã có sẵn của cùng loại sản phẩm và trong cùng khu vực thị trường tương ứng. Tuy nhiên, có thể có một số lý do để triển khai tài liệu PCR có nội dung khác

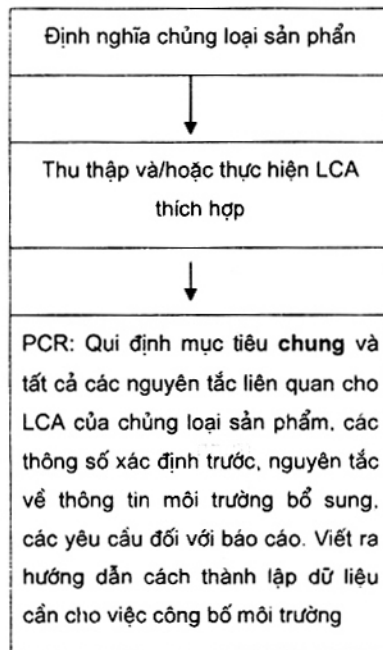
với nội dung các tài liệu PCR đang có sẵn. Làm rõ sự khác biệt với PCR hiện hành cần phải được dựa vào nội dung của tài liệu PCR hiện hành; và không được dựa vào, ví dụ là tài liệu gốc của bất kỳ PCR cụ thể nào.

Những nỗ lực đã bỏ ra để thu được sự hài hòa, thành quả và các giải thích về việc không sử dụng PCR đã có sẵn thì cần được báo cáo trong tài liệu PCR.

PCR cần phải phân định và lập thành tài liệu về mục tiêu và phạm vi của thông tin theo LCA đối với chủng loại sản phẩm, nguyên tắc để tạo ra thông tin môi trường bổ sung cho chủng loại sản phẩm đó. PCR cũng cần phải xác định các giai đoạn của vòng đời sản phẩm để xem xét, các thông số thuộc trong vòng đời sản phẩm, và cách thức mà các thông số này cần được kiểm tra so sánh đối chiếu và báo cáo.

Để có được tính trọn vẹn và nhất quán, PCR phải được dựa vào một hoặc nhiều hơn các đánh giá vòng đời của sản phẩm (phù hợp với bộ tiêu chuẩn TCVN ISO 14040) và các nghiên cứu liên quan khác để nhằm phân định ra những yêu cầu đối với thông tin môi trường bổ sung. Việc đánh giá vòng đời của sản phẩm như vậy và các nghiên cứu liên quan khác cần phải được tham chiếu đến trong tài liệu PCR.

Các bước nêu ra trong Hình 1 là khuyến nghị cho quá trình chuẩn bị một tài liệu PCR



Hình 1 – Các bước chuẩn bị một tài liệu PCR

## **TCVN ISO 14025 : 2009**

Nhà điều hành chương trình cần phải lập ra tài liệu PCR bằng cách sử dụng quá trình tham vấn đã thiết lập, gồm cả sự tham gia của các bên hữu quan. Tài liệu PCR này cần phải gồm các nội dung sau:

- a) định nghĩa về chủng loại sản phẩm và mô tả sản phẩm (ví dụ: chức năng, tính năng kỹ thuật và sử dụng);
- b) định nghĩa về mục tiêu và phạm vi đối với LCA của sản phẩm, theo như bộ tiêu chuẩn TCVN ISO 14040, bao gồm:
  - đơn vị chức năng;
  - ranh giới hệ thống;
  - mô tả dữ liệu;
  - các chuẩn mực để sử dụng đầu vào và đầu ra;
  - các yêu cầu chất lượng đối với dữ liệu bao gồm phạm vi của dữ liệu, độ đúng, tính trọn vẹn, tính đại diện, tính nhất quán, độ tái lập, nguồn và độ bất định của dữ liệu;
  - đơn vị đo;
- c) phân tích kiểm kê, bao gồm
  - thu thập dữ liệu,
  - quy trình tính toán,
  - sự phân phối của các dòng năng lượng và dòng thải;
- d) lựa chọn phạm vi trừ tác động và qui tắc tính toán, nếu được áp dụng;
- e) các thông số được xác định trước cho báo cáo dữ liệu LCA (loại dữ liệu kiểm kê và các chỉ báo phân loại tác động) (xem Chú thích ở dưới);
- f) các yêu cầu qui định đối với thông tin môi trường bổ sung, bao gồm mọi yêu cầu về phương pháp luận (ví dụ: qui định đối với đánh giá rủi ro và nguy hại); xem 7.2.3 để tham khảo thêm;
- g) vật liệu và chất liệu cần được công bố (ví dụ: thông tin về hàm lượng của sản phẩm, gồm cả qui định của vật liệu và chất liệu mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe con người và/hoặc môi trường trong tất cả các giai đoạn của vòng đời sản phẩm);

- h) hướng dẫn để tạo lập dữ liệu cần có cho triển khai công bố môi trường (LCA, LCI, các môđul thông tin và thông tin môi trường bổ sung);
- i) hướng dẫn về nội dung và hình thức của Công bố môi trường kiểu III (xem 7.2);
- j) thông tin về các giai đoạn không được xem xét, nếu công bố môi trường không dựa theo LCA cả vòng đời sản phẩm;
- k) quãng thời gian hiệu lực.

**CHÚ THÍCH** Các thông số được xác định trước là những thông số mà dựa theo đó, thông tin về môi trường của một sản phẩm được cung cấp như quy định trong PCR.

### **6.7.2 Các yêu cầu đối với tính so sánh được**

Tính so sánh được của các Công bố môi trường kiểu III khác nhau sẽ có thể có được khi các điều kiện sau đây được thỏa mãn.

- a) Hoàn toàn tương đương trong mô tả và định nghĩa về chủng loại sản phẩm (ví dụ: chức năng, tính năng kỹ thuật và sử dụng);
- b) Định nghĩa về mục tiêu và phạm vi cho LCA của sản phẩm, theo như bộ tiêu chuẩn TCVN ISO 14040, là có các đặc trưng sau:
  - đơn vị chức năng là hoàn toàn tương đương;
  - ranh giới hệ thống là tương đương;
  - mô tả dữ liệu là tương đương;
  - các chuẩn mực để sử dụng đầu vào và đầu ra là hoàn toàn tương đương;
  - các yêu cầu chất lượng đối với dữ liệu bao gồm phạm vi của dữ liệu, độ đúng, tính trọn vẹn, tính đại diện, tính nhất quán, độ tái lập, nguồn và độ bất định của dữ liệu là tương đương;
  - đơn vị đo là hoàn toàn tương đương;
- c) Đối với phân tích kiểm kê,
  - phương pháp thu thập dữ liệu là tương đương,
  - qui trình tính toán là hoàn toàn tương đương,
  - sự phân phối của các dòng vật liệu, năng lượng và dòng thải là tương đương.

## **TCVN ISO 14025 : 2009**

- d) Sự lựa chọn phạm vi tác động và quy tắc tính toán, nếu được sử dụng, là hoàn toàn tương đương;
- e) Các thông số được xác định trước cho báo cáo dữ liệu LCA (loại dữ liệu kiểm kê và các chỉ báo phân loại tác động) là hoàn toàn tương đương;
- f) Các yêu cầu qui định đối với thông tin môi trường bổ sung, bao gồm cả mọi yêu cầu về phương pháp luận (ví dụ: các qui định để: với đánh giá rủi ro và nguy hại) là tương đương;
- g) Vật liệu và chất liệu cần được công bố (ví dụ: thông tin về hàm lượng của sản phẩm, gồm cả các qui định của vật liệu và chất liệu mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe con người và/hoặc môi trường trong tất cả các giai đoạn của vòng đời sản phẩm) là tương đương ;
- h) Hướng dẫn để tạo lập dữ liệu cần có để sáng tạo ra công bố môi trường (LCA, LCI, các môdul thông tin và thông tin môi trường bổ sung) là tương đương;
- i) Hướng dẫn về nội dung và hình thức của Công bố môi trường kiểu III là tương đương;
- j) Nếu công bố môi trường không dựa theo LCA cả vòng đời sản phẩm thì thông tin về các giai đoạn nào đã không được xem xét trong vòng đời đó là tương đương;
- k) Quãng thời gian hiệu lực là tương đương.

Để có thể so sánh Công bố môi trường kiểu III dựa theo các môdul thông tin, thì các tác động môi trường của các giai đoạn (pha) bị lược bỏ trong vòng đời sản phẩm phải là các giai đoạn không có ý nghĩa, hoặc dữ liệu của các giai đoạn bị lược bỏ này trong vòng đời sản phẩm là hoàn toàn tương đương với độ bất định chấp nhận được.

## **6.8 Thủ tục để áp dụng phương pháp luận LCA**

### **6.8.1 Phổ biến thông tin về tổng quát phương pháp luận LCA**

Để tạo ra tính so sánh được giữa các công bố, nhà điều hành chương trình cần phải đảm bảo có sẵn thông tin về các khía cạnh tổng quát phương pháp luận của Công bố môi trường kiểu III. Các khía cạnh phương pháp luận này có thể gồm sự lựa chọn các phương pháp tính toán và ranh giới hệ thống và các yêu cầu khác nhau đối với chất lượng dữ liệu.

### **6.8.2 Áp dụng phương pháp luận LCA**

Thông tin môi trường đã định lượng trong Công bố môi trường kiểu III cần phải được dựa vào

- kết quả thu được từ một hoặc nhiều hơn các đánh giá vòng đời sản phẩm theo bộ tiêu chuẩn TCVN ISO 14040, hoặc



– các môđul thông tin (xem 3.13), nếu đã sử dụng.

Điều này mô tả hai phương pháp luận tùy chọn cho Công bố môi trường kiểu III và Chương trình công bố môi trường kiểu III. Hình 2 cho biết các phương án khác nhau. Yếu tố chung là mỗi phương án được dựa trên phân tích kiểm kê vòng đời sản phẩm (LCI) theo bộ tiêu chuẩn TCVN ISO 14040.

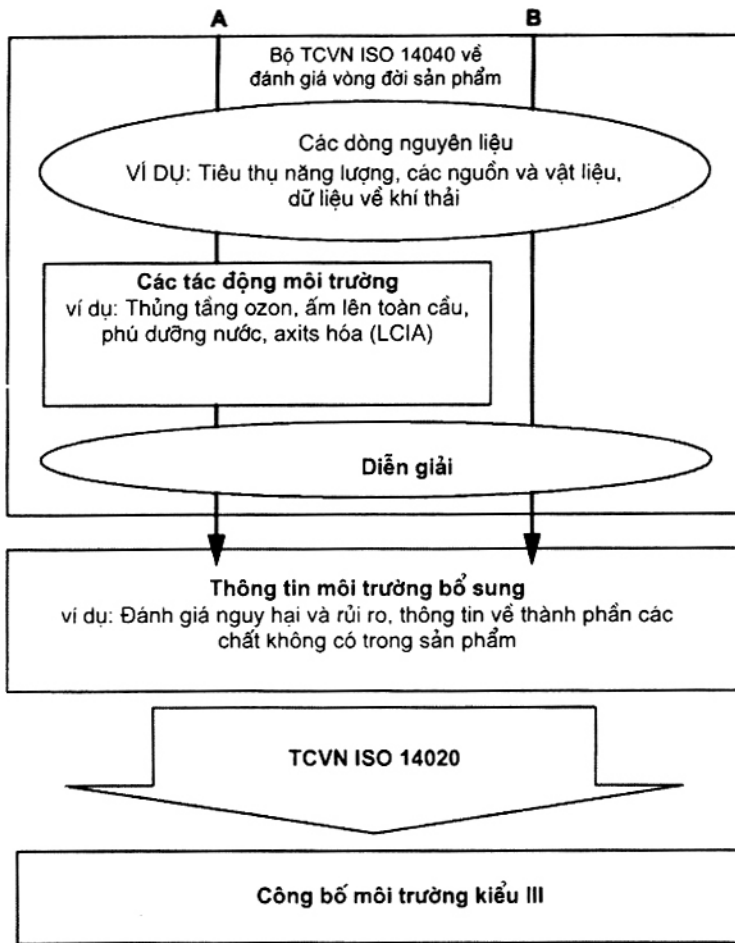
Các thông số sau đây thu được từ LCA hoặc từ môđul thông tin có thể được coi như là các thông số được xác định trước:

- bộ kết quả chỉ thị phạm trù tác động (chỉ phương án A);
- bộ kết quả kiểm kê các dòng cơ bản (ví dụ, quặng sắt, CO<sub>2</sub>);
- bộ dữ liệu không thể hiện ra các dòng cơ bản (ví dụ, chất thải).

Các phương pháp luận để triển khai Công bố môi trường kiểu III cần phải tuân theo một trong các đường đi như chỉ ra trong Hình 2:

- a) phương án A: Nghiên cứu LCA, bao gồm các giai đoạn: định nghĩa mục tiêu và phạm vi; phân tích kiểm kê (LCI); đánh giá tác động (LCIA); diễn giải;
- b) phương án B: Nghiên cứu LCA, bao gồm các giai đoạn: định nghĩa mục tiêu và phạm vi; phân tích kiểm kê (LCI); diễn giải;

Kết quả thu được từ các công cụ phân tích môi trường khác cần được sử dụng khi thích hợp (xem Hình 2). Thông tin môi trường bổ sung này là nhằm đảm bảo rằng tất cả các khía cạnh môi trường có liên quan của sản phẩm đều nằm trong phạm vi của Công bố môi trường kiểu III. Thông tin có thể hoặc không phải là được dẫn xuất ra từ một LCA. Thông tin có thể liên quan với các vấn đề khác gắn kết với tính năng môi trường tổng thể của sản phẩm. Những điều này có thể bao gồm, ví dụ, các khía cạnh môi trường có liên quan với sự phát triển bền vững (xem 7.2.3).



Hình 2 - Hai phương án khác nhau dùng cho Công bố môi trường kiểu III và Chương trình công bố môi trường kiểu III.

## 7 Các yêu cầu công bố

### 7.1 Khái quát

Công bố môi trường kiểu III là nhằm thuận lợi hóa việc so sánh các thuộc tính môi trường của sản phẩm đã thỏa mãn được các yêu cầu chức năng tương đương. Các dữ liệu định lượng cần phải được báo cáo theo các đơn vị đo thích hợp và nhất quán như đã mô tả trong PCR. Các dữ liệu định tính, khi đưa ra thì cần so sánh được. Để thiết lập các thông tin định tính thì cần phải sử dụng cùng phương pháp hoặc hệ

thống, và các phương pháp và hệ thống đó cần phải được nêu ra. Các chi tiết của PCR cần sẵn có một khi có yêu cầu từ phía người mua hoặc người sử dụng sản phẩm.

## 7.2 Nội dung công bố

### 7.2.1 Khái quát

Tất cả Công bố môi trường kiểu III trong một chủng loại sản phẩm cần phải tuân theo hình thức và đưa vào các thông số như đã được phân định trong PCR do nhà điều hành chương trình đưa ra.

Theo Quy tắc của chủng loại sản phẩm (PCR), các thông tin sau đây cần phải đưa vào trong mọi Công bố môi trường kiểu III:

- a) định danh và mô tả tổ chức lập ra công bố môi trường;
- b) mô tả sản phẩm;
- c) định danh sản phẩm (ví dụ: số model);
- d) tên chương trình và địa chỉ nhà điều hành chương trình, nếu thích hợp thì nêu cả logo và website;
- e) nêu rõ Quy tắc của chủng loại sản phẩm (PCR);
- f) ngày công bố và quãng thời gian hiệu lực;
- g) ngày của LCA, LCI hoặc môdel thông tin (xem 7.2.2);
- h) thông tin môi trường bổ sung (xem 7.2.3);
- i) nội dung của công bố về vật liệu và chất liệu được công bố (ví dụ: thông tin về hàm lượng trong sản phẩm, bao gồm cả qui định về vật liệu và chất liệu có thể ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe con người và môi trường, trong tất cả các giai đoạn của vòng đời sản phẩm);
- j) thông tin về giai đoạn nào trong vòng đời của sản phẩm đã không được xem xét nếu công bố đó đã không dựa theo LCA cho toàn bộ vòng đời sản phẩm;
- k) lời tuyên bố rằng các công bố môi trường theo các chương trình khác nhau là không so sánh được;
- l) thông tin về nơi chốn có được vật liệu đối chứng.

Với sự lý giải thỏa đáng, yêu cầu i) không áp dụng cho thông tin đã đăng ký độc quyền liên quan đến vật liệu và chất liệu thuộc quyền sở hữu trí tuệ hoặc các hạn chế pháp lý tương tự. Yêu cầu này cũng không thích hợp cho công bố môi trường liên quan đến các sản phẩm vô hình.



- axit hóa đất đai và nguồn nước;
- phú dưỡng nguồn nước;
- hình thành các tác nhân quang hóa;
- suy giảm nguồn năng lượng hóa thạch;
- suy giảm nguồn khoáng sản.

c) các dữ liệu khác như khối lượng và loại chất thải phát sinh ra (chất thải nguy hại và chất thải không nguy hại).

Công bố môi trường cần phải được trình bày thể hiện theo cách thức sao cho chỉ rõ được là công bố đó được áp dụng cho sản phẩm, hoặc chỉ áp dụng cho một phần của sản phẩm hay bao gói, hoặc cho một thành phần của dịch vụ.

### 7. 2. 3 Thông tin môi trường bổ sung

Một Công bố môi trường kiểu III, một khi thích hợp, cần đưa vào thông tin bổ sung liên quan đến các vấn đề môi trường ngoài các thông tin môi trường rút ra từ LCA, LCI hoặc từ môđul thông tin [xem 6.7.1 f)]. Thông tin này cần phải tách biệt với thông tin như mô tả trong 7.2.2. Phân định các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, ít nhất phải xem xét đến:

a) thông tin về các vấn đề môi trường, như

1) tác động và tác động tiềm tàng lên tính đa dạng sinh học;

2) độc tính liên quan đến sức khỏe con người và/hoặc môi trường;

3) các khía cạnh về địa lý liên quan đến mọi giai đoạn trong vòng đời của sản phẩm (ví dụ: thảo luận về mối quan hệ giữa các tác động môi trường tiềm ẩn và vị trí của hệ thống sản phẩm).

b) dữ liệu về tính năng của sản phẩm, nếu là có ý nghĩa về mặt môi trường;

c) sự gắn bó của tổ chức với bất kỳ hệ thống quản lý môi trường nào, với lời nêu rõ là bên hữu quan có thể tìm ra được chi tiết về hệ thống đó;

d) bất cứ chương trình chứng nhận môi trường nào đã được áp dụng cho sản phẩm và nêu rõ là bên hữu quan có thể tìm ra được chi tiết về chương trình chứng nhận đó;

## **TCVN ISO 14025 : 2009**

- e) các hoạt động về môi trường khác của tổ chức, như tham gia vào các chương trình tái chế hoặc thu hồi, nêu chi tiết ra những chương trình đó là đang hiện hành để cho người mua và người sử dụng sản phẩm biết và cung cấp thông tin liên hệ.
- f) thông tin dẫn xuất từ LCA nhưng không liên hệ với loại hình LCA hoặc LCIA điển hình;
- g) hướng dẫn và chừng mực để sử dụng hiệu quả;
- h) đánh giá rủi ro và nguy hại đến sức khỏe con người và môi trường;
- i) thông tin về không có hoặc mức hiện có của một chất trong sản phẩm mà được coi là có ý nghĩa đáng kể đối với môi trường trong những vùng nhất định [xem TCVN ISO 14021: 2003, 5.4 và 5.7];
- j) phương án quản lý chất thải được ưu tiên áp dụng đối với sản phẩm đã qua sử dụng;
- k) tác động tiềm ẩn hoặc bất ngờ có thể có đến môi trường.

Thông tin môi trường bổ sung chỉ nên liên quan đến các vấn đề về môi trường, thông tin và hướng dẫn về an toàn sản phẩm không liên quan đến tính năng môi trường của sản phẩm thì không nên đưa vào trong Công bố môi trường kiểu III.

### **7.2.4 Yêu cầu đối với thông tin môi trường bổ sung**

Tất cả thông tin môi trường bổ sung cần phải được trình bày theo cách thức rõ ràng, những thông tin này không phải là phần của LCA, LCI và modul thông tin dựa theo dữ liệu

Thông tin môi trường bổ sung cần phải

- a) được dựa trên loại thông tin được dẫn chứng và đã được kiểm tra xác nhận; phù hợp với các yêu cầu của TCVN ISO 14020 và Điều 5 của TCVN ISO 14021 : 2003;
- b) cụ thể, chính xác và không gây hiểu sai;
- c) tương ứng với sản phẩm cụ thể;
- d) không thể diễn giải sai, đặc biệt là việc bỏ qua sự thật nào đó;
- e) chỉ liên quan đến một khía cạnh môi trường đang tồn tại, chắc chắn được bộc lộ ra trong vòng đời của sản phẩm hoặc liên quan đến vòng đời sản phẩm;
- f) không phải là một xác nhận so sánh, nhưng cần phải so sánh được trong phạm vi một chủng loại sản phẩm.

- g) chỉ tuyên bố là "không chứa..." cho một chất khi mức của chất được qui định đó là không nhiều hơn mức nhiễm bẩn được tìm thấy ở lượng vết hoặc không nhiều hơn mức nền;
- h) không nói một chất hoặc nét đặc trưng của một chất nào đó không có mặt trong sản phẩm khi mà chúng không bao giờ liên quan đến loại sản phẩm đó;
- i) nếu sử dụng biểu tượng thì phải theo các yêu cầu như đã vạch ra trong TCVN ISO 14021 : 2003, 5.8 và 5.9.

### **7.2.5 Công bố môi trường kiểu III dựa trên môđul thông tin**

Công bố môi trường kiểu III cho một giai đoạn hoặc nhiều hơn một giai đoạn trong vòng đời sản phẩm có thể được soạn thảo bằng cách sử dụng môđul thông tin.

Môđul thông tin có thể được kết hợp để được một LCA cho toàn vòng đời sản phẩm mà Công bố môi trường kiểu III cho một sản phẩm dựa vào đó, với các điều kiện như sau:

- môđul thông tin cho tất cả các giai đoạn của vòng đời sản phẩm và cho tất cả các phần của sản phẩm được kết hợp lại (xem Phụ lục B);
- tuân theo tất cả các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn TCVN ISO 14040 (xem 6.8.2);
- thỏa mãn được PCR của chủng loại sản phẩm (xem 6.7.1).

Nhà cung cấp thành phần và vật liệu để chế tạo sản phẩm cần phải cung cấp thông tin, khi có sẵn, về việc sử dụng và giai đoạn sử dụng cuối cùng trong vòng đời sản phẩm

Nếu môđul thông tin kết hợp vào trong một Công bố môi trường kiểu III không bao hàm toàn bộ vòng đời sản phẩm, thì giai đoạn nào trong vòng đời sản phẩm được bỏ qua cần phải được nêu ra.

Nếu tác động và khía cạnh môi trường của vòng đời sản phẩm không đưa vào môđul thông tin, thì Công bố môi trường kiểu III cần phải được trợ giúp với thông tin môi trường liên quan và sự bỏ qua này cần phải được nêu ra lý do xác đáng.

Phụ lục B đưa ra một ví dụ đơn giản về cách thức làm thế nào để có thể kết hợp môđul thông tin và Công bố môi trường kiểu III dựa theo môđul thông tin để triển khai một Công bố môi trường kiểu III dựa theo LCA toàn bộ các giai đoạn thuộc vòng đời sản phẩm.

### **7.3 Cập nhật công bố**

Tổ chức có thể cần điều chỉnh hoặc chỉnh sửa thông tin đã đưa vào Công bố môi trường kiểu III. Công bố môi trường kiểu III cần phải được đánh giá lại và cập nhật khi cần để phản ánh các thay đổi trong

## **TCVN ISO 14025 : 2009**

công nghệ hoặc các hoàn cảnh khác mà có thể làm phương hại đến nội dung và tính đúng đắn của công bố. Khi tiến hành cập nhật một Công bố môi trường kiểu III, thì các yêu cầu cần phải thỏa mãn là cũng như các yêu cầu trong khi triển khai một công bố từ đầu; nghĩa là kiểm tra xác nhận các thay đổi trong dữ liệu dựa trên LCA, thông tin môi trường bổ sung và bản công bố.

Tổ chức lập Công bố môi trường kiểu III chịu trách nhiệm thông báo cho nhà điều hành chương trình về các thay đổi được yêu cầu trong Công bố môi trường kiểu III đó và cung cấp cho nhà điều hành chương trình tài liệu từ kiểm định viên xác nhận sự phù hợp với các yêu cầu liên quan. Nhà điều hành chương trình cần phải công bố các nội dung đã được cập nhật trong công bố môi trường.

## **8 Kiểm tra xác nhận**

### **8.1 Thủ tục để xem xét và kiểm tra xác nhận độc lập**

#### **8.1.1 Khái quát về công việc kiểm tra xác nhận**

Trong việc triển khai một Công bố môi trường kiểu III, các nguyên tắc để kiểm tra xác nhận cần phải được lập ra phù hợp với các tiêu chuẩn TCVN ISO 14020 và TCVN ISO 14040.

Nhà điều hành chương trình cần phải thiết lập thủ tục kiểm tra xác nhận thích hợp (xem 6.4) để đảm bảo sự công bố là tuân thủ theo những hướng dẫn chung của chương trình. Thủ tục này cần bao gồm hình thức và tài liệu kiểm định cũng như sự tiếp cận phù hợp với các quy tắc và kết quả.

Mặc dù dữ liệu cần được kiểm tra xác nhận độc lập do nội bộ hoặc bên ngoài thực hiện, nhưng điều này không nhất thiết có nghĩa là kiểm tra xác nhận do bên thứ ba. Do đó, việc sử dụng kiểm tra xác nhận của bên thứ ba như là bước cuối cùng là quyết định của nhà điều hành chương trình.

Áp dụng các yêu cầu kiểm tra xác nhận cụ thể (xem 9.4) khi sử dụng Công bố môi trường kiểu III cho quan hệ "doanh nghiệp - người tiêu dùng".

#### **8.1.2 Xem xét PCR**

Xem xét PCR cần phải do nhóm thứ ba tiến hành, là nhóm có ít nhất một người trưởng nhóm và hai thành viên. Tài liệu PCR cần đưa vào các kết quả của xem xét PCR cũng như ý kiến góp ý và kiến nghị của nhóm thứ ba này.

Xem xét PCR cần phải thể hiện rõ:

– PCR đã được triển khai phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO 14040 và, nêu một cách cụ thể là phù hợp với 6.7.1 của tiêu chuẩn này;



- PCR đáp ứng đầy đủ các hướng dẫn chung của chương trình;
- dữ liệu dựa theo LCA, cùng với thông tin môi trường bổ sung do PCR ấn định, cho được một sự diễn giải các khía cạnh môi trường có ý nghĩa của sản phẩm.

Nhà điều hành chương trình có thể qui định các nhiệm vụ bổ sung cho nhóm xem xét PCR.

### 8.1.3 Kiểm tra xác nhận độc lập dữ liệu

Sự kiểm tra xác nhận độc lập dữ liệu từ nguồn LCA, LCI và môđul thông tin và của thông tin môi trường bổ sung ít nhất phải khẳng định được như sau:

- phù hợp với PCR;
- phù hợp với bộ tiêu chuẩn TCVN ISO 14040;
- phù hợp với hướng dẫn chung của chương trình;
- đánh giá các yêu cầu chất lượng dữ liệu là bao gồm phạm vi của dữ liệu, độ đúng, tính trọn vẹn, tính đại diện, tính nhất quán, độ tái lập, nguồn và độ bất định của dữ liệu;
- tính hợp lý, chất lượng và độ chính xác của dữ liệu dựa trên LCA;
- chất lượng và độ chính xác của thông tin môi trường bổ sung;
- chất lượng và độ chính xác của thông tin trợ giúp.

Nhà điều hành chương trình có thể qui định nhiệm vụ bổ sung cho kiểm định viên độc lập.

### 8.1.4 Kiểm tra xác nhận độc lập Công bố môi trường kiểu III

Thủ tục kiểm tra xác nhận độc lập ít nhất phải thích hợp để xác định xem Công bố môi trường kiểu III có phù hợp với:

- tiêu chuẩn TCVN ISO 14020 và các yêu cầu liên quan của tiêu chuẩn này;
- hướng dẫn chung của chương trình (xem 6.4);
- PCR hiện hành và có liên quan.

Thủ tục kiểm tra xác nhận cần phải minh bạch. Kiểm định viên độc lập phải viết ra báo cáo tài liệu hóa quá trình kiểm tra xác nhận, đồng thời gắn liền với trách nhiệm nêu trong 8.3 về tính bảo mật của dữ liệu. Báo cáo này cần phải được sẵn sàng để trình ra khi có người yêu cầu.

## **TCVN ISO 14025 : 2009**

Thủ tục kiểm tra xác nhận cần phải khẳng định liệu các thông tin nêu ra trong Công bố môi trường kiểu III có phản ánh đúng thông tin trong các tài liệu mà công bố đó đã dựa vào hay không. Thủ tục kiểm tra xác nhận cũng cần phải khẳng định xem các thông tin này có hợp lý về mặt khoa học hay không.

Việc xem xét PCR và kiểm tra xác nhận độc lập đối với Công bố môi trường kiểu III là hai quá trình tách biệt. Kiểm tra xác nhận độc lập của Công bố môi trường kiểu III có thể do nhóm xem xét PCR thực hiện, hoặc do kiểm định viên độc lập thực hiện, là người có thể đang là một thành viên hoặc không phải là thành viên của nhóm xem xét PCR.

### **8.2 Tính độc lập và năng lực của kiểm định viên và của thành viên nhóm xem xét PCR**

#### **8.2.1 Tính độc lập của kiểm định viên**

Kiểm định viên độc lập, là người nội bộ hoặc người ngoài của tổ chức đều phải không dính líu gì đến việc thực hiện kế hoạch đánh giá vòng đời sản phẩm hoặc triển khai công bố môi trường, và không có xung đột quyền lợi sinh ra do vị trí của họ trong tổ chức đó.

#### **8.2.2 Năng lực của kiểm định viên**

Nhà điều hành chương trình cần phải thiết lập các yêu cầu tối thiểu đối với năng lực của các kiểm định viên, bao gồm

- kiến thức của ngành nghề có liên quan, sản phẩm và các khía cạnh môi trường liên quan đến sản phẩm;
- hiểu biết về quá trình và về sản phẩm của chủng loại sản phẩm đó;
- tinh thông kỹ năng trong lĩnh vực LCA và phương pháp luận trong công việc LCA;
- hiểu biết về các tiêu chuẩn liên quan trong lĩnh vực ghi nhãn và công bố môi trường và LCA;
- hiểu biết về khuôn khổ điều chỉnh mà trong đó các yêu cầu đối với Công bố môi trường kiểu III được soạn thảo;
- kiến thức về Công bố môi trường kiểu III.

#### **8.2.3 Năng lực của thành viên nhóm xem xét PCR**

Nhà điều hành chương trình cần phải thiết lập các yêu cầu tối thiểu đối với năng lực của nhóm xem xét PCR. Năng lực phối hợp của nhóm xem xét PCR cần phải gồm

- kiến thức cơ bản chung của ngành nghề có liên quan, sản phẩm và các khía cạnh môi trường liên quan đến sản phẩm;

- tinh thông kỹ năng trong lĩnh vực LCA và phương pháp luận trong công việc LCA;
- nhận thức về các tiêu chuẩn liên quan trong lĩnh vực ghi nhãn và công bố môi trường và LCA;
- hiểu biết về khuôn khổ điều chỉnh trong phạm vi áp dụng của PCR;
- kiến thức về chương trình Công bố môi trường kiểu III.

Thêm vào đó, nhà điều hành chương trình cần phải đảm bảo có sự pha trộn hợp lý giữa triển vọng và năng lực của bên hữu quan.

### **8.3 Những qui tắc đối với tính bảo mật của dữ liệu**

Dữ liệu cụ thể của sản phẩm thường là bí mật do:

- các yêu cầu về cạnh tranh trong kinh doanh;
- thông tin độc quyền thuộc sự điều chỉnh của quyền sở hữu trí tuệ, hoặc;
- bị hạn chế bằng các qui định pháp lý tương tự.

Các dữ liệu bí mật như vậy là không yêu cầu phải công khai. Công bố môi trường có tính chất điển hình là đưa ra dữ liệu tính chung cho toàn bộ các giai đoạn có liên quan của vòng đời sản phẩm. Dữ liệu kinh doanh xác định ra như là bí mật được cung cấp cho quá trình kiểm tra xác nhận độc lập thì cần được giữ bí mật, phù hợp với hướng dẫn chung của chương trình (xem 6.4).

Dựa trên báo cáo kiểm định, nếu nhà điều hành chương trình xác định rằng các dữ liệu trợ giúp cho Công bố môi trường kiểu III là không thỏa đáng, thì công bố môi trường đó sẽ không được công bố rộng rãi.

## **9 Các yêu cầu bổ sung để triển khai Công bố môi trường kiểu III cho với mỗi giao tiếp (quan hệ) “doanh nghiệp - người tiêu dùng”**

### **9.1 Khái quát**

Nhà điều hành chương trình cần cân nhắc sự tiếp nhận tiềm tàng đối với mọi Công bố môi trường kiểu III trong khi đang được triển khai. Mặc dù được dự báo trước là phần nhiều các Công bố môi trường kiểu III sẽ được triển khai để dùng trong giao tiếp “doanh nghiệp - doanh nghiệp”, nhưng cũng có thể có các công bố được nhằm vào và/hoặc được sử dụng để cung cấp loại dữ liệu chi tiết, định lượng trong giao tiếp “doanh nghiệp - người tiêu dùng”.

## **TCVN ISO 14025 : 2009**

Những yêu cầu từ 9.2 đến 9.4 cần áp dụng để bổ sung cho các yêu cầu của các mục khác khi Công bố môi trường kiểu III được dự định hoặc chắc chắn là được dùng cho người tiêu dùng. Những yêu cầu từ 9.2 đến 9.4 cũng cần áp dụng khi sự tiếp nhận tiềm tàng đối với Công bố môi trường kiểu III có thể được coi là người tiêu dùng như qui định trong 3.16.

### **9.2 Những qui định đối với thông tin**

#### **9.2.1 Nội dung của công bố**

Công bố môi trường kiểu III là phức tạp và đòi hỏi tương đối nhiều tài liệu. Không một phần nào của nội dung được yêu cầu của công bố mà PCR yêu cầu lại sẽ bị lược bỏ đi hoặc đơn giản hóa để dùng trong giao tiếp “doanh nghiệp - người tiêu dùng”.

Công bố môi trường kiểu III phải được dựa theo vòng đời của sản phẩm, trừ khi

- thông tin về các giai đoạn cụ thể (ví dụ: giai đoạn sử dụng và giai đoạn cuối vòng đời của sản phẩm) là không có sẵn và hoàn cảnh khách quan không thể mô hình hóa được, hoặc;
- những giai đoạn này có thể suy luận được một cách hợp lý theo ý nghĩa về mặt môi trường.

Chỉ với những hoàn cảnh như vậy các giai đoạn cụ thể thuộc vòng đời sản phẩm mới có thể bị loại ra. Trong Công bố môi trường kiểu III cần phải nêu rõ về sự loại ra này.

Một khi có kịch bản hợp lý để có thể mô hình hóa các giai đoạn cụ thể trong vòng đời của sản phẩm thì các giai đoạn như vậy không được loại ra. Những giả định được tạo ra để lập nên kịch bản cần phải được nêu rõ trong PCR.

#### **9.2.2 Tính có sẵn của công bố**

Công bố môi trường kiểu III nhằm dùng cho giao tiếp giữa “doanh nghiệp - người tiêu dùng”, cần phải có sẵn cho người tiêu dùng tại điểm bán sản phẩm.

#### **9.2.3 Phương tiện giải thích cho người tiêu dùng**

Một khi Công bố môi trường kiểu III dùng cho giao tiếp “doanh nghiệp - người tiêu dùng”, tổ chức làm ra công bố đó cần phải cung cấp phương tiện bổ sung tư vấn cho người tiêu dùng khi được yêu cầu và với giá cả hợp lý nhằm tạo thuận lợi cho người tiêu dùng hiểu được dữ liệu trong nội dung công bố. Tổ chức làm ra công bố cần phải công bố thông tin cho phép người tiêu dùng tiếp xúc với tổ chức từ mọi vùng mà ở đó sản phẩm được mua bán. Phương tiện liên lạc thích hợp với tổ chức là số điện thoại nóng hoặc cách tiếp cận khác qua mạng điện tử. Phương tiện giải thích cho người tiêu dùng cần được nêu ra trong công bố môi trường.

### 9.3 Sự liên đới của các bên hữu quan

Bổ sung cho những yêu cầu ở 5.5, các bên hữu quan liên đới trong quá trình triển khai một Công bố môi trường kiểu III hay chương trình công bố môi trường kiểu III để dùng trong giao tiếp "doanh nghiệp - người tiêu dùng" cần phải có cả các đại diện cho quyền lợi người tiêu dùng và quyền lợi môi trường. Những đại diện này có thể do các nhóm địa phương, quốc gia hoặc khu vực, các cơ quan hay tổ chức lựa chọn ra.

Nhà điều hành chương trình phải có trách nhiệm tạo thuận lợi cho sự tham gia này.

### 9.4 Kiểm tra xác nhận (Kiểm định)

Sự kiểm tra xác nhận nói trong tiêu chuẩn này, với trường hợp Công bố môi trường kiểu III dùng trong giao tiếp "doanh nghiệp - người tiêu dùng", cần phải do bên thứ ba thực hiện (xem năng lực của kiểm định viên trong 8.2).



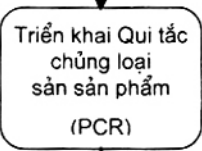
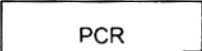
Khi sự tiếp nhận được dự định cho Công bố môi trường kiểu III là người tiêu dùng, như qui định trong 3.16 thì trong công bố môi trường cần phải nêu rõ sự kiểm tra xác nhận là đã được một bên thứ ba có đủ năng lực thực hiện.

## Phụ lục A

(Tham khảo)

## Triển khai chương trình Công bố môi trường kiểu III và sơ đồ vận hành

Bảng A.1 – Triển khai chương trình Công bố môi trường kiểu III và sơ đồ vận hành

| Cơ quan     |   |                  | Lưu đồ<br>(các bước và kết quả)   | Hoạt động/thủ tục  |   | Điều                              |
|-------------|---|------------------|---|--|---|-----------------------------------|
| Tổ chức     | Nhà điều hành chương trình  | Cơ quan khác     |   | Chính  | Phụ   |                                   |
|             | Nhà điều hành chương trình [ví dụ: công ty(các công ty), ngành công nghiệp, hiệp hội thương mại hoặc cơ quan độc lập] |                  |    | Thiết lập chương trình   |   | 6.1                               |
|             | Nhà điều hành chương trình  | Các bên hữu quan |   | Triển khai chương trình (kể cả tham vấn ý kiến rộng rãi) <i>Nếu chương trình đang có sẵn thì không cần thiết</i> |   | 6.2 ; 6.3 ;<br>6.4 ; 6.5 ;<br>8.3 |
| Các Tổ chức | Nhà điều hành chương trình  | Các bên hữu quan |  | Triển khai tài liệu PCR (kể cả tham vấn ý kiến rộng rãi) <i>Nếu PCR đang có sẵn thì không cần thiết</i>          |   | 6.5, 6.7,<br>8.3                  |
| Các Tổ chức | Nhà điều hành chương trình  | Các bên hữu quan |  |  | Định nghĩa loại sản phẩm                                      | 6.6                               |
| Các Tổ chức |   | Các bên hữu quan |   |  | Thu thập hoặc tạo ra thông tin của loại sản phẩm dựa theo LCA | 6.7.1 ;<br>6.7.2 ;<br>6.8         |
| Các Tổ chức | Nhà điều hành chương trình  | Các bên hữu quan |   |  | Triển khai tài liệu về PCR                                    | 6.7.1 :6.7.2                      |

Bảng A.1 (Tiếp theo)

| Cơ quan     |                            |  | Lưu đồ<br>(các bước và kết quả)     | Hoạt động/thủ tục                          |  | Điều   |
|-------------|----------------------------|--|-------------------------------------|--|--|--|
| Tổ chức     | Nhà điều hành chương trình | Cơ quan khác   |                                     | Chính                                      | Phụ  |  |
|             |                            | Nhóm xem xét PCR: thành viên của nhóm là có đủ năng lực và độc lập |                                     |  | Xem xét PCR  | 8.1.2  |
| Các tổ chức |                            |  |                                     |  | Viết Dự thảo công bố môi trường  | 7.1; 7.2.1; 7.2.2; 7.2.3   |
|             |                            | Kiểm định viên độc lập   | Dự thảo Công bố môi trường kiểu III | Kiểm tra xác nhận độc lập                  |  |  |
|             |                            | Kiểm định viên độc lập   |                                     |  |  |  |
|             |                            | Kiểm định viên độc lập   |                                     |  | Kiểm tra xác nhận độc lập công bố môi trường   | 8.1.4; 8.3   |
|             |                            | Bên thứ ba   |                                     |  | Kiểm tra xác nhận của bên thứ ba<br><i>Không bắt buộc, ngoại trừ từ B đến C (xem điều 9)</i> | 8.1.1 ; 9.4  |
| Các Tổ chức | Nhà điều hành chương trình |  |                                     | Ghi lại và quảng bá bản công bố môi trường |  | 6.3  |
| Các tổ chức |                            | Cử tọa được đề cập đến   |                                     |  | Thông báo và sử dụng công bố môi trường  | Thông báo công bố môi trường là không thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn |
| Các Tổ chức | Nhà điều hành chương trình | Các bên hữu quan   |                                     | Cập nhật bản công bố môi trường            |  | 7.3  |

## Phụ lục B

(Tham khảo)

### Ví dụ minh họa về triển khai một Công bố môi trường kiểu III từ các môđul thông tin đã có trong Công bố môi trường kiểu III của các phần của sản phẩm

**B.1** Sản phẩm để lấy làm ví dụ về một Công bố môi trường kiểu III này là chai thủy tinh có thể tái sử dụng chứa nước giải khát gồm có ba phần sau đây:

- a) thân chai;
- b) nắp nhôm;
- c) nhãn in bằng giấy.

**B.2** Thân chai, có ba môđul thông tin được nêu ra, như sau:

- a) môđul thông tin về sản xuất nguyên liệu và sản xuất chai;
- b) môđul thông tin về vận chuyển, xúc rửa chai và rót nước giải khát vào chai, được ấn định cho giai đoạn sử dụng sản phẩm.
- c) môđul thông tin về thu thập và tái chế thân chai, sau một số lần sử dụng nhất định.

Đối với nắp nhôm, một Công bố môi trường kiểu III được nêu ra bao gồm sản xuất nguyên liệu, sản xuất nắp, tái chế và các công đoạn vận chuyển. Công bố môi trường kiểu III không đưa vào bất cứ dữ liệu nào thuộc giai đoạn sử dụng nắp chai đó.

Đối với nhãn in bằng giấy, hai môđul thông tin khác nhau được nêu ra:

- môđul thông tin gồm sản xuất nguyên liệu, sản xuất giấy, tái chế và các công đoạn in;
- môđul thông tin về thải bỏ chất thải bằng thiêu đốt.

Không có môđul thông tin riêng về vận chuyển và sử dụng nhãn giấy này.

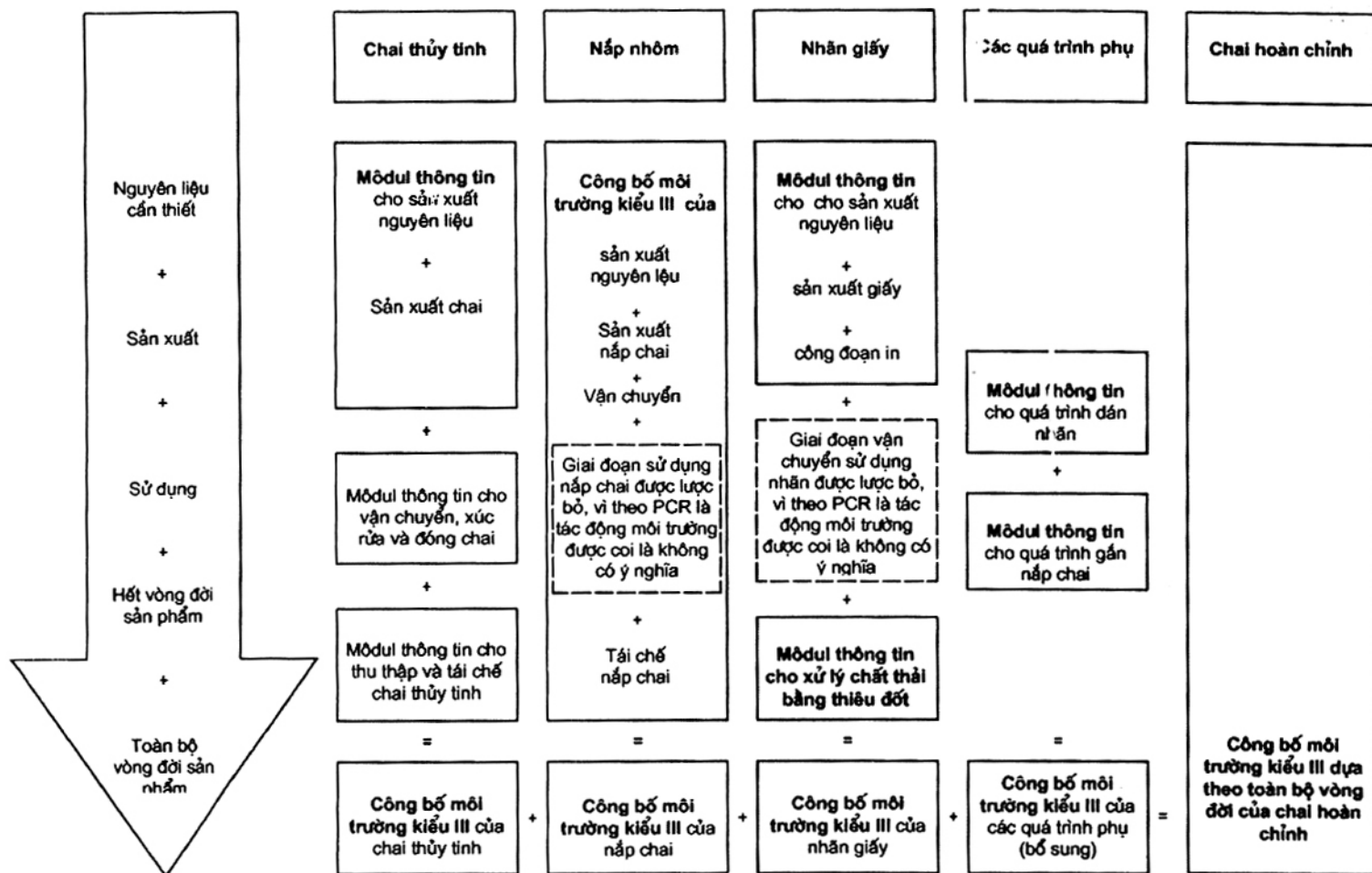


Như chỉ ra trong Hình B.1, các môđul thông tin thuộc về ba giai đoạn khác nhau của vòng đời sản phẩm của chai thủy tinh này có thể kết hợp vào một Công bố môi trường kiểu III bao gồm tất cả các giai đoạn của vòng đời sản phẩm.

Bằng việc kết hợp các môđul thông tin và thông tin từ Công bố môi trường kiểu III của thân chai, nắp chai và nhãn giấy, có thể làm thành một Công bố môi trường kiểu III của chai thủy tinh có thể tái sử dụng đựng nước giải khát. Tuy nhiên, sự điều chỉnh thông tin cần cân nhắc đến quá trình vận chuyển nắp nhôm và nhãn giấy từ người đóng nước giải khát vào chai đến người sử dụng. Cũng cần phải cân nhắc đến một yếu tố là trong suốt vòng đời của chai thủy tinh, một số lượng nhất định các nắp nhôm và nhãn giấy được sử dụng, mà số lượng này có thể biết được thông qua trung bình số lần đóng chai hoặc vận chuyển của chai.

**CHÚ THÍCH 1** Môđul thông tin có thể là, nhưng không nhất thiết phải là một Công bố môi trường kiểu III: Tuy nhiên, điều đó được hiểu là bất cứ hộp sản phẩm nào ghi nhãn là "Công bố môi trường kiểu III" đều phải có một PCR kèm theo.

**CHÚ THÍCH 2** Nhà chế tạo sản phẩm lựa chọn giữa thu thập và sắp xếp môđul thông tin vào Công bố môi trường kiểu III hoặc vào các môđul thông tin. Trong ví dụ này, nhà chế tạo chai thủy tinh đã chọn để làm một Công bố môi trường kiểu III, trong khi nhà chế tạo nhãn giấy đã thu thập và biên soạn dữ liệu để làm ra một môđul thông tin.



Hình B.1 – Lược đồ trình bày quá trình triển khai một Công bố môi trường kiểu III từ các môđul thông tin

**Thư mục tài liệu tham khảo**

- [1] TCVN ISO 9000 : 2007, Hệ thống quản lý chất lượng — Cơ sở và từ vựng
- [2] TCVN 14001: 2005 (ISO 14001: 2004), Hệ thống quản lý môi trường — Yêu cầu và hướng dẫn áp dụng
- [3] TCVN ISO 19011 : 2003 (ISO 14011 : 2002), Hướng dẫn về đánh giá hệ thống quản lý môi trường và/hoặc Hệ thống quản lý chất lượng
- [4] ISO/IEC 17000 : 2004, Conformity assessment — Vocabulary and general principles
- [[5] ISSO/IEC, The consumer and standards — Guidance and principles for consumer participation in standards development. COPOLCO, March 2003
-